

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Chí

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 629/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An. Xin vắng mặt

Bị đơn: Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Phạm Thanh H đến với nhau do quen biết, vợ chồng kết hôn và chung sống từ đầu năm 2016, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 80/2016, ngày 26/8/2016.

Quá trình chung sống được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vì vậy, ông H bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân gần 4 năm nay.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết, bị đơn ông Phạm Thanh H mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và quan hệ tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt: Bà Nguyễn Thị Trúc L có đơn xin vắng mặt, ông Phạm Thanh H vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Trúc L và ông Phạm Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Long An vào năm 2016, đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết có tổ chức hòa giải để vợ chồng có điều kiện đoàn tụ nhưng bà L vẫn kiên quyết ly hôn và ông H không đến hòa giải.

Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành và hiện nay vợ chồng không còn sống chung đã lâu. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*, xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Trúc L với ông Phạm Thanh H.

[4] Về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: bà L trình bày không có nên không xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 29, 51, 53, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Trúc L về việc xin ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với ông Phạm Thanh H.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0013474 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Đông Thạnh;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Thảo